

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2020/DS-ST

Ngày: 11 - 12 - 2020.

V/v tranh chấp đối với giao dịch
tặng cho quyền sử dụng đất vô
hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng
2. Ông Lê Anh Việt

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 tranh chấp “Đối với giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Bà Thái Ngọc H, sinh năm 1970.
2. Bà Nguyễn Kim Nh, sinh năm 1962.
3. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1967.
4. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.
6. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp Tân A, xã Tân Nhuận Đ, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nh, bà H, bà A, bà T, bà H là bà Thái Ngọc H, sinh năm 1970. Theo giấy ủy quyền ngày 16/8/2019 và 19/8/2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn là Luật sư Lê Thị Vân L, Văn phòng luật sư Lê L, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 27/9 ấp Phú L, xã Tân Phú Đ, thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 60, Ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Lê Thị Cẩm Nh, sinh năm 1988.

ĐKTT: Ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Ấp Cả N, xã Vĩnh L, huyện Tân H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nh là bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân Nhuận Đ, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Thái Ngọc H, luật sư Lê Thị Vân L, bà Nguyễn Thị Bé B, bà Nguyễn Thị Bé T có mặt; Ông Lê Văn T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Thái Ngọc H, đồng thời bà H đại diện theo ủy quyền cho các nguyên đơn khác trình bày:

Trước đây do quen biết nên từ đầu năm 2013 các nguyên đơn có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Bé B làm chủ. Đến ngày 12/6/2015 bà Bé B tuyên bố bãi hụi và nợ nhiều người với số tiền gần 5 tỷ đồng.

Vụ tranh chấp tiền hụi đã được Tòa án huyện Châu Thành giải quyết bằng bản án số 54/2018/DS-ST ngày 30/10/2018. Tuy nhiên, khi thi hành án thì bà Bé B không có đủ tài sản để thi hành, ngoài các phần đất đã bị kê biên thì bà Bé B còn có căn nhà và thửa đất diện tích 453m² thuộc thửa 80, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị Bé B đứng tên giấy chứng nhận nhưng phần đất này bà Bé B đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con gái là Lê Thị Cẩm Nh vào ngày 05/8/2015.

Việc bà Bé B tặng cho phần đất trên là nhằm tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho các hụi viên vì:

Khi bà Bé B tuyên bố bãi hụi ngày 12/6/2015 thì sau đó ngày 27/7/2015

các nguyên đơn có gửi đơn tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành để yêu cầu xử lý hình sự đối với bà Bé B. Chưa đầy 02 tháng sau thì bà Bé B làm hợp đồng tặng cho thửa đất trên cho chị Lê Thị Cẩm Nh ngày 05/8/2015, trong khi vợ chồng ông Tình, bà Bé B vẫn đang ở trên phần đất này, còn chị Cẩm Nh có chồng và sinh sống tại Long An.

Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/8/2015 giữa bà Nguyễn Thị Bé B với chị Lê Thị Cẩm Nh đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 6, diện tích 453m² vô hiệu, khôi phục lại tình trạng ban đầu để bà Bé B lấy phần đất này thi hành án cho nguyên đơn.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy ý kiến và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Bé B trình bày:

Phần đất có diện tích 453m², thửa số 80, tờ bản đồ số 6 tọa lạc Ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp là của bà Nguyễn Thị H (mẹ ruột) tặng cho riêng bà Bé B vào năm 2010. Đến năm 2015 do bế hui, cần tiền choàng hui cho các hui viên nên bà có mượn của Cẩm Nh 100.000.000 đồng nhưng không đủ, bà tiếp tục mượn Nh thêm 300.000.000 đồng nhưng Nh không cho mà yêu cầu bà phải chuyển nhượng phần đất trên cho Nh đứng tên với giá 400.000.000 đồng, vì cần tiền nên bà đồng ý bán cho Nh. Lúc đầu lập hợp đồng mua bán nhưng khi xuống phòng Công chứng làm giấy tờ, do quan hệ mẹ con nên công chứng viên hướng dẫn làm hợp đồng tặng cho để đỡ tiền thuế, hợp đồng đã được công chứng ngày 05/8/2015 và bà đã nhận đủ tiền.

Các nguyên đơn cho rằng việc bà Bé B tặng cho đất nhằm tẩu tán tài sản là không đúng vì phần đất này bà đã tặng cho Nh trước khi bế hui và số tiền chuyển nhượng dùng vào việc choàng hui. Ngoài phần đất này thì vợ chồng bà còn phần đất ruộng đã bị kê biên để thi hành án, nếu bà có ý đồ tẩu tán tài sản thì bà sẽ sang tên hết tất cả thửa đất chứ không chỉ thửa số 80 này.

Nay các nguyên đơn yêu cầu tuyên bố đối với giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Bé B với chị Lê Thị Cẩm Nh vô hiệu thì bà không đồng ý vì việc tặng cho này là hợp pháp và hợp đồng được thực hiện trước khi bà thiếu nợ.

- Theo tờ tường trình ngày 11/01/2020 và tại phiên tòa có bà Nguyễn Thị Bé T là đại diện theo ủy quyền cho chị Lê Thị Cẩm Nh trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Bé B sống với bà ngoại là Nguyễn Thị H, bà ngoại có xây dựng 01 căn nhà hiện bà Bé B đang ở. Năm 2010 do không đứng tên hộ khẩu riêng nên không vô điện nước được nên bà Hiếu đã tách phần diện tích 453m² thuộc thửa 80, tờ bản đồ số 6, để bà Bé B đứng tên. Đến năm 2015 do bà Bé B thiếu nợ nhiều người nên có mượn Cẩm Nh số tiền 100.000.000 đồng để choàng nợ nhưng không đủ, sau đó bà Bé B mượn thêm

của chị Nh số tiền 300.000.000 đồng và bà Bé B chuyển nhượng phần đất này cho chị Cẩm Nh, nhưng để đỡ tiền thuế nên tại phòng công chứng làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/8/2015, các bên đã giao nhận tiền đầy đủ và hiện Cẩm Nh đang đứng tên giấy chứng nhận thửa đất này.

Nay chị Lê Thị Cẩm Nh không đồng ý việc các nguyên đơn yêu cầu tuyên bố giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/8/2015 vô hiệu.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn trình bày:* Luật sư cho rằng thời điểm bà Bé B làm hợp đồng tặng cho thửa đất số 80, tờ bản đồ số 6, diện tích 453m² cho chị Lê Thị Cẩm Nh trong lúc bà Bé B tuyên bố bế hui và thiếu nợ của nhiều hui viên đây là nhằm mục đích tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho giữa bà Nguyễn Thị Bé B với chị Lê Thị Cẩm Nh được công chứng ngày 05/8/2015 để khôi phục lại tình trạng ban đầu, lấy phần đất thi hành cho các nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (Có bài phát biểu kèm theo):

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử.

- Về hướng giải quyết vụ án: Các nguyên đơn yêu cầu tuyên bố giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/8/2015 giữa bà Nguyễn Thị Bé B và chị Lê Thị Cẩm Nh vô hiệu là không có cơ sở vì: Thời điểm bà Bé B làm hợp đồng tặng cho phần đất này cho Lê Thị Cẩm Nh thì thửa đất không bị kê biên để đảm bảo thi hành án. Hợp đồng tặng cho có công chứng đúng quy định pháp luật và hiện chị Lê Thị Cẩm Nh đang đứng tên giấy chứng nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện các nguyên đơn yêu cầu tuyên bố đối với giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

+ Về nội dung:

Về nguồn gốc thì thửa đất số thửa 80, tờ bản đồ số 6, diện tích 453m² mục đích sử dụng (đất ở nông thôn), tọa lạc Ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận cho cá nhân bà Nguyễn Thị Bé B vào ngày 31/3/2010, trên cơ sở bà Nguyễn Thị Bé B nhận tặng cho quyền sử dụng đất của mẹ là bà Nguyễn Thị H, điều này đã được xác định trong công văn số 1107/UBND-NC ngày 09/4/2020 của UBND huyện Châu Thành.

Theo khoản 4 điều 44 luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Trong trường hợp vợ, chồng có tài sản riêng mà hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng đó là nguồn sống duy nhất của gia đình thì việc định đoạt tài sản này phải có sự đồng ý của chồng, vợ”*.

Đối chiếu trong trường hợp này thì thửa đất số 80 không phải là tài sản duy nhất của bà Bé B; vì ngoài thửa đất này, bà Bé B, ông Tình còn có các thửa đất khác (tại thời điểm làm hợp đồng tặng cho) chưa bị kê biên thi hành án, như thửa 25, diện tích 5.886m² và thửa 255, diện tích 3.823m². Mặc dù, bà Bé B cùng với ông Lê Văn T đang quản lý, sử dụng thửa đất số 80 nhưng do phần đất này cấp cho cá nhân bà Bé B, nên khi bà Bé B làm thủ tục tặng cho thửa đất này cho chị Lê Thị Cẩm Nh, thì không bắt buộc phải có sự đồng ý của ông Tình.

Nên các nguyên đơn cho rằng bà Bé B làm thủ tục tặng cho thửa đất 80 cho chị Lê Thị Cẩm Nh trong khi hiện tại ông Tình và bà Bé B vẫn tiếp tục quản lý sử dụng đất là nhằm mục đích tẩu tán tài sản là không có căn cứ.

Đồng thời, theo các nguyên đơn trình bày, cũng như theo nội dung công văn trả lời của Công an huyện Châu Thành xác định: Thời điểm các nguyên đơn gửi đơn tố cáo ngày 27/7/2015 và Công an tiếp nhận đơn tố cáo ngày 28 và ngày 29/7/2015 đối với trường hợp bà Nguyễn Thị Bé B về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các hội viên... Mặc dù, thời điểm các nguyên đơn gửi đơn tố cáo và Công an Huyện tiếp nhận đơn tố cáo đều trước lúc bà Bé B làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho Lê Thị Cẩm Nh, hợp đồng đã được công chứng tại phòng Công chứng Châu Thành ngày 05/8/2015, nhưng thực tế lúc này chưa có bất cứ cơ quan nào buộc bà Bé B phải thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với các hội viên.

Theo công văn số 329/CV-CCTHADS ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành xác định: Giấy chứng nhận thừa đất số 255, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.823m² (đất lúa) cấp cho hộ ông Lê Văn T và giấy chứng nhận thừa đất số 25, tờ bản đồ số 8, diện tích 5.886m² (đất lúa) cấp cho cá nhân bà Nguyễn Thị Bé B đều bị kê biên để đảm bảo thi hành án cho bản án, quyết định của Tòa án huyện Châu Thành gồm: Quyết định số 13/2016/QĐST-DS ngày 19/7/2016; Quyết định số 94/2016/QĐST-DS ngày 30/8/2016; Quyết định số 149/2016/QĐST-DS ngày 29/12/2016; Quyết định số 11/2017/QĐST-DS ngày 20/3/2017; Quyết định số 17/2017/QĐST-DS ngày 28/4/2017; Quyết định số 40/2017/QĐST-DS ngày 07/4/2017; Quyết định số 82/2017/QĐST-DS ngày 19/6/2017; Quyết định số 117/2017/QĐST-DS ngày 04/8/2017 và bản án số 54/2018/DS-ST ngày 30/10/2018.

Riêng thửa số 80 mà bà Nguyễn Thị Bé B tặng cho Lê Thị Cẩm Nh vào ngày 05/8/2015 thì tại thời điểm này Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành chưa thụ lý hồ sơ của bà Bé B và ông Tình.

Theo điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật thi hành án dân sự, quy định trường hợp nào kê biên tài sản để thi hành án, cụ thể:

“1. Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Khi kê biên tài sản, nếu có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà tài sản bị chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố cho người khác thì tài sản đó bị kê biên, xử lý để thi hành án; Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đối với tài sản đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản đó”.

Như vậy, theo công văn trả lời của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành và quy định pháp luật trên thì khi bà Bé B làm hợp đồng tặng cho thửa đất số 80 cho chị Lê Thị Cẩm Nh đều xảy ra trước thời điểm Tòa án ban hành các quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật, buộc bà Bé B có trách nhiệm trả nợ cho hui viên. Đồng thời thửa đất số 80 cũng không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn nào, nên không thể coi việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Bé

B và chị Lê Thị Cẩm Nh là nhằm trốn trách nghĩa vụ trả nợ, tẩu tán tài sản như nguyên đơn trình bày.

Về hình thức hợp đồng: Thừa đất 80, tờ bản đồ số 6, diện tích 453m² do bà Nguyễn Thị Bé B đứng tên giấy chứng nhận khi làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Lê Thị Cẩm Nh có công chứng tại Phòng công chứng huyện Châu Thành theo đúng quy định tại Điều 459, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự nên việc bà Bé B tặng cho thừa đất trên cho chị Lê Thị Cẩm Nh là hợp pháp.

Do đó, việc Luật sư và các nguyên đơn cho rằng việc bà Bé B tặng cho thừa đất số 80, tờ bản đồ số 6, diện tích 453m² cho chị Lê Thị Cẩm Nh nhằm tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là không có cơ sở như đã phân tích trên, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu.

[3] Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo luật định.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của các nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 459, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự; Điều 44 luật Hôn nhân gia đình, Điều 75 Luật Thi hành án dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn gồm: Bà Thái Ngọc H, bà Nguyễn Kim Nh, bà Huỳnh Thị H, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị H kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu đối với thừa đất số 80, tờ bản đồ số 6, diện tích 453m², đất tọa lạc ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp giữa bà Nguyễn Thị Bé B với chị Lê Thị Cẩm Nh được công chứng tại Phòng Công chứng huyện Châu Thành ngày 05/8/2015, hiện chị Lê Thị Cẩm Nh đứng tên giấy chứng nhận.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc các nguyên đơn phải chịu 100.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do bà Thái Ngọc H đã ứng trước nên các nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H theo tỉ lệ tương ứng.

3. Về án phí: Buộc bà Thái Ngọc H, bà Nguyễn Kim Nh, bà Huỳnh Thị H, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0007277, 0007278, 0007279, 0007280, 0007281, 0007282 cùng ngày 23/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Văn Bình

